Mô hình Use case

Web học tiếng Anh online miễn phí cho người mới bắt đầu

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

1612241 - Lê Công Hưng

1612907- Nguyễn Thị Việt An

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| <01/04/2019> | <1.0> | Mô hình use case | Lê Công Hưng  Nguyễn Thị Việt An |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc369450773)

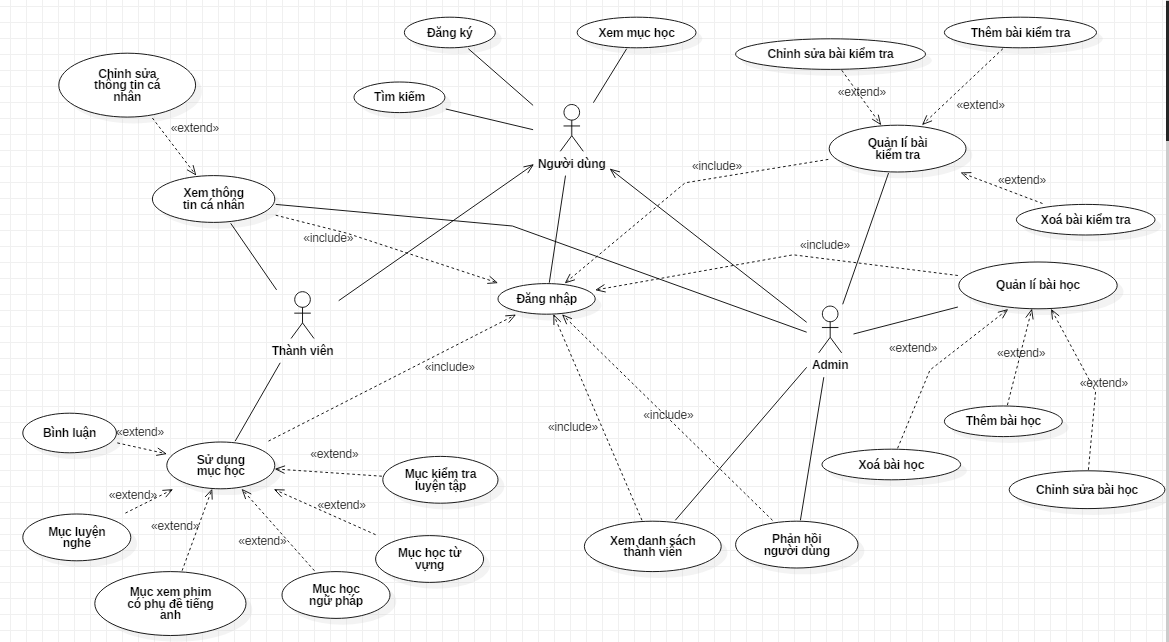
[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc369450774)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc369450775)

[4. Đặc tả Use-case 3](#_Toc369450776)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tên Use-case” 3](#_Toc369450777)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Khách hàng | Là những khách hàng vào trang web để tìm hiểu và xem chương trình học của trang web, những khách hàng này khi đăng kí thì sẽ trở thành thành viên và tham gia chương trình học. |
| 2 | Thành viên | Là những khách hàng mà đã đăng nhập bằng tài khoản để tham gia các chương trình học, các bài test của trang web. |
| 3 | Admin | Là những người quản lí trang web, sử dụng tài khoản riêng của admin để có thể quản lí, thêm, xoá, sửa trang web. |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Đăng kí | Người dùng chưa có tài khoản có thể đăng kí tài khoản. |
| 2 | Đăng nhập | Người dùng, thành viên hoặc admin có thể đăng nhập khi có tài khoản. Đối với thành viên sau khi đăng nhập có thể tham gia vào các bài học. Còn admin có thể thực hiện các chức năng quản lí trang web. |
| 3 | Xem mục học | Người dùng, thành viên và admin khi vào trang web có thể xem các mục học của trang web. |
| 4 | Xem thông tin cá nhân | Thành viên và admin có thể xem thông tin tài khoản của mình khi đã đăng nhập |
| 5 | Chỉnh sửa thông tin cá nhân | Thành viên và admin có thể chỉnh sửa thông tin cá nhân của mình. |
| 6 | Bình luận bài học | Sau mỗi bài học, thành viên có thể để lại bình luận thắc mắc hoặc đóng góp dưới bài học |
| 7 | Sử dụng mục kiểm tra luyện tập | Thành viên đã đăng nhập có thể sử dụng mục Kiểm tra luyện tập để kiểm tra các kiến thức đã học được. |
| 8 | Sử dụng mục học từ vựng | Thành viên đã đăng nhập sử dụng mục học từ vựng để học từ mới, có thể chọn học từ theo các chủ đề |
| 9 | Sử dụng mục học ngữ pháp | Thành viên có thể xem chi tiết các bài học ngữ pháp theo từng mức độ từ thấp đến cao |
| 10 | Sử dụng mục xem phim có phụ đề tiếng anh | Thành viên có thể xem các bộ phim có phụ đề tiếng Anh |
| 11 | Sử dụng mục luyện nghe | Thành viên có thể nghe các bài nghe tiếng Anh kết hợp bài tập luyện nghe |
| 12 | Xem danh sách thành viên | Admin có thể xem số lượng các thành viên của trang web |
| 13 | Phản hồi người dùng | Admin có trách nhiệm trả lời các bình luận thắc mắc của các thành viên để lại dưới mỗi bài học |
| 14 | Quản lý bài kiểm tra | Admin có thể chọn chức năng thêm/xóa/sửa bài kiểm tra |
| 15 | Thêm bài kiểm tra | Admin có thể thêm bài kiểm tra dưới dạng google form rồi sau đó đăng lên web |
| 16 | Chỉnh sửa bài kiểm tra | Admin có thể chỉnh sửa lại các bài kiểm tra có sẵn |
| 17 | Xóa bài kiểm tra | Admin có thể xóa các bài kiểm tra có sẵn |
| 18 | Quản lý bài học | Admin có thể chọn các chức năng thêm, xóa, sửa bài học |
| 19 | Thêm bài học | Admin có thể thêm các bài học mới, bài nghe mới, video phim mới |
| 20 | Chỉnh sửa bài học | Admin có thể chỉnh sửa các bài học, bài nghe,… |
| 21 | Xóa bài học | Admin có thể xóa các bài học, video,… |
| 22 | Tìm kiếm | Thành viên và admin có thể tìm kiếm bài học theo từ khóa |

# Đặc tả Use-case

*4.1 Đặc tả Use case: Đăng ký*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Tất cả khách hàng, thành viên cũng như admin sử dụng use case để đăng kí tài khoản để có thể đăng nhập |
| Dòng sự kiện chính | 1. Truy cập vào trang web 2. Chọn nút đăng kí 3. Nhập đầy đủ thông tin theo yêu cầu của hệ thống 4. Bấm nút đăng kí sau khi đã thực hiện xong |
| Các dòng sự kiện khác | 1. Nhập sai yêu cầu khi thực hiện đăng kí 2. Người dùng đã có tài khoản và ngừng đăng kí |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Truy cập thành công vào trang web |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | 1. Thành công: Người dung có thể đăng nhập vào trang web bằng tài khoản vừa đăng kí 2. Thất bại: Hệ thống gửi thông báo và người dùng có thể đăng kí lại |
| Điểm mở rộng | Không có |
|  |  |

*4.2 Đặc tả Use case: Xem mục học*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Tất cả các người dung có thể xem được mục học của trang web, các chương trình học |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng truy cập vào trang web 2. Xem từng mục học. |
| Các dòng sự kiện khác | Khôn có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng có thể đã đăng nhập hoặc chưa đăng nhập |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Không có gì thay đổi |
| Điểm mở rộng | Không có |
|  |  |

*4.3 Đặc tả Use case: Xem thông tin cá nhân*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên hoặc admin sử dụng use case để xem thông tin cá nhân của mình |
| Dòng sự kiện chính | 1. Use bắt đầu khi user chọn chức năng xem thông tin các nhân. 2. Hệ thống hiện thị tất cả thông tin của user lên màn hình. |
| Các dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | User phải đăng nhập thành công bằng tải khoản của mình. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Hiển thị thông tin cá nhân của tài khoản đó. |
| Điểm mở rộng | Use case: Chỉnh sửa thông tin cá nhân |
|  |  |

*4.4 Đặc tả Use case: Chỉnh sửa thông tin cá nhân*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | User có thể sử dụng use case này để có thể chỉnh sửa hoặc cập nhật thông tin cá nhân của user |
| Dòng sự kiện chính | 1. Use case bắt đầu khi user chọn chức năng này 2. Hệ thông gửi thông tin sẵn cho user trên màn hình 3. User có thể xoá và cập nhật lại thông tin của user 4. Click vào Cập nhật để hoàn tát |
| Các dòng sự kiện khác | 1. User chỉnh sửa thông tin không đúng yêu cầu 2. Hệ thống gửi thông báo lỗi và yêu cầu user nhập lại |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tải khoản của mình. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | 1. Thành công: Những thông tin bị thay đổi sẽ được cập nhật lên hệ thống. 2. Thất bại: Hệ thông yêu cầu nhập lại thông tin |
| Điểm mở rộng | Không có |
|  |  |

*4.5 Đặc tả Use case: Đăng nhập*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Tất cả các user có thể sử dụng use case này để có thể đăng nhập vào trang web. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Use case bắt đầu khi user chọn chức năng này 2. Hệ thống yêu cầu user điền thông tin tài khoản. 3. User điền thông tin của mình và chọn đăng nhập |
| Các dòng sự kiện khác | 1. Tài khoản hoặc mật khẩu không chính xác 2. Hệ thống gửi thông báo lỗi chó khác hàng. |
| Các yêu cầu đặc biệt |  |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Truy cập thành công trang web và đã có tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | 1. Đăng nhập thành công: Hiện ra giao diện chính của trang web theo tài khoản(Có thể là admin hoặc là thành viên). 2. Đăng nhập thất bại: Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.6 Đặc tả Use case: Bình luận.*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên có thể sử dụng use case này để bình luận ý kiến của mình dưới mỗi bài học. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thành viên nhập những ý kiến của mình vào phần bình luận và gửi lên hệ thống. 2. Những bình luận sẽ được hiển thị lên ngay dưới bài học |
| Các dòng sự kiện khác | Để trống thì sẽ không click thể bình luận |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của thành viên. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | 1. Thành công: Những lời bình sẽ được hiện lên màn hình. 2. Thất bài: Hệ thống không thay đổi |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.7 Đặc tả Use case: Mục luyện nghe.*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên có thể sử dụng use case này để có thể luyện nghe. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thành viên sử dụng use case này để tham gia vào mục học luyện nge. 2. Hệ thống sẽ hiện thị các bài học lên màn học. 3. Thành viên có thể chọn từng bài để học. |
| Các dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của thành viên. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Không thay đổi |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.8 Đặc tả Use case: Mục xem phim có phụ đề tiếng anh*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên có thể sử dụng use case này để có thể luyện nghe, luyện đọc. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thành viên sử dụng use case này để tham gia vào mục học xem phim có phụ đề tiếng anh 2. Hệ thống sẽ hiện thị danh sách các video lên web 3. Thành viên có thể chọn từng video để học. |
| Các dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của thành viên. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Không có |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.9 Đặc tả Use case: Mục học nghữ pháp*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên có thể sử dụng use case này để có thể luyện học ngữ pháp. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thành viên sử dụng use case này để tham gia vào mục học ngữ pháp. 2. Hệ thống sẽ hiện thị các bài học lên màn học. 3. Thành viên có thể chọn từng bài để học. |
| Các dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của thành viên. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Không thay đổi |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.10 Đặc tả Use case: Mục học từ vựng.*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên có thể sử dụng use case này để có thể luyện nghe. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Thành viên sử dụng use case này để tham gia vào mục học từ vựng. 2. Hệ thống sẽ hiện thị các bài học lên màn hình. 3. Thành viên có thể chọn từng bài để học. |
| Các dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của thành viên. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Không thay đổi |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.11 Đặc tả Use case: Mục kiểm tra luyện tập.*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Thành viên có thể sử dụng use case này để có thể làm bài kiểm tra cho bản thân. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Use case bắt đầu khi thành viên chọn chức năng này 2. Hệ thống sẽ gửi một bài kiểm tra theo yêu cầu của thành viên. 3. Người dùng sẽ bắt đầu làm bài trong khoảng thời gian yêu cầu của hệ thống. 4. Sẽ có nút chọn nộp bài hoặc hết thời gian thì hệ thống sẽ tự động thu bài và trả kết quả cho người dùng kèm theo đáp ấn. |
| Các dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case | Người dùng phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của thành viên. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case | Không có thay đổi |
| Điểm mở rộng | Không có |

* 1. *Đặc tả Use case: Tìm kiếm*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Người dùng muốn tìm kiếm bài học trong trang web dựa theo từ khóa |
| Dòng sự kiện chính | 1. Hệ thống cung cấp 1 thanh tìm kiếm 2. Người dùng cung cấp từ khóa tra cứu 3. Người dùng đề nghị tìm kiếm 4. Hệ thống thực hiện tra cứu bài học theo từ khóa đã nhập 5. Hệ thống đưa ra kết quả tìm được |
| Dòng sự kiện khác | 3a. Người dùng không nhập gì bào thanh tìm kiếm   1. Hệ thống thông báo thông tin không hợp lệ 2. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập lại thông tin   4a. Không tìm thấy thông tin sách   1. Hệ thống thông báo không tìm thấy bài học nào theo thông tin cung cấp |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Người dùng phải đăng nhập thành công vào tài khoản trước đó |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị các kết quả tìm được 2. Thất bại: Hệ thống thông báo không tìm thấy |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.13 Đặc tả Use case: Xoá bài học*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Danh sách bài học rồi chọn chức năng xóa bài học |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin bấm vào phần xóa bài học 2. Hệ thống hiện 1 form danh sách mục học 3. Admin chọn mục học có bài học muốn xóa, xem danh sách bài học của mục học đó và tích chọn những bài học muốn xóa 4. Admin bấm nút xóa 5. Hệ thống đưa ra cảnh báo với admin 6. Admin chọn đồng ý 7. Hệ thống thực hiện xóa bài học |
| Dòng sự kiện khác | 4a. Admin không chọn bài học nào   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Hệ thống yêu cầu admin phải chọn ít nhất 1 bài học 3. Admin chọn lại bài học muốn xóa và yêu cầu hệ thống xóa   5a. Admin không chọn nút đồng ý   1. Hệ thống không thực hiện xóa 2. Hệ thống hiện lại danh sách bài học   7a. Hệ thống thực hiện xóa bài học   1. Hệ thống thông báo đã xóa bài học 2. Hệ thống hiện lại danh sách bài học sau khi xóa |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản trước đó |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị danh sách bài học sau khi xóa 2. Thất bại: Hệ thống thông báo không thể xóa |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.14 Đặc tả Use case: Chỉnh sửa bài học*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Danh sách bài học rồi chọn chức năng chỉnh sửa bài học |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin bấm vào phần chỉnh sửa bài học 2. Hệ thống hiện 1 form chọn mục học 3. Admin chọn mục học có bài học muốn chỉnh sửa, xem danh sách bài học của mục học đó và tích chọn bài học muốn chỉnh sửa 4. Admin bấm nút chỉnh sửa 5. Hệ thống đưa ra form chỉnh sửa bằng Google Docs 6. Admin chỉnh sửa và bấm nút lưu 7. Hệ thống hiện bảng xác nhận lưu với admin 8. Admin chọn đồng ý 9. Hệ thống thực hiện lưu lại bài học |
| Dòng sự kiện khác | 3a. Admin không chọn bài học nào   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Hệ thống yêu cầu admin phải chọn nhiều nhất 1 bài học 3. Admin chọn lại bài học muốn chỉnh sửa và gửi yêu cầu cho hệ thống   7a. Admin không chọn nút đồng ý   1. Hệ thống không thực hiện lưu 2. Hệ thống hiện lại form bài học   9a. Hệ thống thực hiện lưu bài học   1. Hệ thống thông báo đã lưu bài chỉnh sửa 2. Hệ thống hiện lại danh sách bài học |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị được bài học sau khi chỉnh sửa 2. Thất bại: Hệ thống không hiện bài đã được chỉnh sửa |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.15 Đặc tả Use case: Thêm bài học*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Danh sách bài học rồi chọn chức năng Thêm bài học |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin bấm vào phần Thêm bài học 2. Hệ thống hiện 1 form chọn mục học để thêm 3. Admin chọn mục học 4. Admin bấm nút Thêm bài 5. Hệ thống đưa ra form thêm bài tương ứng với từng mục 6. Admin thêm bài học 7. Admin bấm nút lưu bài học 8. Hệ thống hiện bảng xác nhận lưu với admin 9. Admin chọn đồng ý 10. Hệ thống thực hiện lưu và thêm bài học |
| Dòng sự kiện khác | 3a. Admin không chọn mục bài học nào   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Hệ thống yêu cầu admin phải chọn nhiều mục học cần thêm bài 3. Admin chọn lại mục học muốn thêm bài và gửi yêu cầu cho hệ thống   6a. Admin thêm bài học không đúng định dạng yêu cầu   1. Hệ thống báo lỗi, yêu cầu admin phải nhập lại 2. Admin nhập lại bài học theo đúng định dạng được yêu cầu và gửi lại yêu cầu lên hệ thống   9a. Admin không chọn nút đồng ý   1. Hệ thống không thực hiện thêm bài học 2. Hệ thống hiện lại form thêm bài học   9a. Hệ thống thực hiện lưu bài học   1. Hệ thống thông báo đã lưu bài 2. Hệ thống hiện lại danh sách bài học đã được thêm mới |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị được bài học đã được thêm 2. Thất bại: Hệ thống không hiển thị bài mới đã được thêm |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.16 Đặc tả Use case: Quản lý bài học.*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Quản lý bài học để xem các chức năng như Thêm, Xóa, Chỉnh sửa bài học |
| Dòng sự kiện chính | Admin di chuột vào tài khoản mình sẽ hiển thị danh sách các chức năng trong đó có Quản lý bài học |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | Không có |
| Điểm mở rộng | 1. Thêm bài học 2. Chỉnh sửa bài học 3. Xóa bài học |

*4.17 Đặc tả Use case: Quản lí bài kiểm tra*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Quản lý bài kiểm tra để xem các chức năng như Thêm, Xóa, Chỉnh sửa bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện chính | Admin di chuột vào tài khoản mình sẽ hiển thị danh sách các chức năng trong đó có Quản lý bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | Không có |
| Điểm mở rộng | 1. Thêm bài kiểm tra 2. Chỉnh sửa bài kiểm tra 3. Xóa bài kiểm tra |

*4.18 Đặc tả Use case: Phản hồi bình luận*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn trả lời bình luận của thành viên bên dưới các bài học |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin xem các comment dưới mỗi bài học 2. Admin bấm nút “trả lời” bên dưới comment 3. Admin nhập câu trả lời vào textbox 4. Admin bấm nút “gửi” 5. Hệ thống lưu lại câu trả lời của admin 6. Hệ thống hiển thị câu trả lời của admin lên trang web |
| Dòng sự kiện khác | 4a. Admin để trống textbox   1. Hệ thống báo lỗi, yêu cầu admin không được để trống 2. Admin nhập vào textbox và gửi lại yêu cầu lên hệ thống |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hiển thị thành công câu trả lời của admin lên trang web 2. Thất bại: Hệ thống không hiển thị câu trả lời của admin |
| Điểm mở rộng | Không có |

*4.19 Đặc tả Use case: Chỉnh sửa bài kiểm tra*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Danh sách bài học rồi chọn chức năng chỉnh sửa bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin bấm vào phần chỉnh sửa bài kiểm tra 2. Hệ thống hiện danh sách bài kiểm tra đã có 3. Admin chọn bài kiểm tra muốn sửa và bấm nút chỉnh sửa 4. Hệ thống đưa ra form chỉnh sửa bằng Google Form 5. Admin chỉnh sửa và bấm nút lưu 6. Hệ thống hiện bảng xác nhận lưu với admin 7. Admin chọn đồng ý 8. Hệ thống thực hiện lưu lại bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện khác | 3a. Admin không chọn bài kiểm tra nào   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Hệ thống yêu cầu admin phải chọn nhiều nhất 1 bài 3. Admin chọn lại bài kiểm tra muốn chỉnh sửa và gửi yêu cầu cho hệ thống   7a. Admin không chọn nút đồng ý   1. Hệ thống không thực hiện lưu 2. Hệ thống hiện lại form bài kiểm tra   8a. Hệ thống thực hiện lưu bài học   1. Hệ thống thông báo đã lưu bài chỉnh sửa 2. Hệ thống hiện lại danh sách bài kiểm tra |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị được bài kiểm tra sau khi chỉnh sửa 2. Thất bại: Hệ thống không hiện bài đã được chỉnh sửa |
| Điểm mở rộng | Không có |

* 1. *Đặc tả Use case: Thêm bài kiểm tra*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Danh sách bài kiểm tra rồi chọn chức năng Thêm bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin bấm vào phần Thêm bài kiểm tra 2. Hệ thống hiện form thêm bài kiểm tra bằng Google Form 3. Admin nhập bài kiểm tra mới 4. Admin bấm nút Thêm bài 5. Hệ thống hiện bảng xác nhận thêm với admin 6. Admin chọn đồng ý 7. Hệ thống thực hiện lưu và thêm bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện khác | 4a. Admin để trống không nhập   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Hệ thống yêu cầu admin không được để trống 3. Admin nhập lại và gửi yêu cầu với hệ thống   6a. Admin không chọn nút đồng ý   1. Hệ thống không thực hiện thêm bài kiểm tra 2. Hệ thống hiện lại form thêm bài   7a. Hệ thống thực hiện lưu bài học   1. Hệ thống thông báo đã lưu bài |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị được bài kiểm tra đã được thêm 2. Thất bại: Hệ thống không hiển thị bài mới đã được thêm |
| Điểm mở rộng | Không có |

* 1. *Đặc tả Use case: Xem số lượng thành viên*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Xem số lượng thành viên khi di chuột vào tên tài khoản của mình |
| Dòng sự kiện chính | Admin di chuột vào tài khoản mình sẽ hiển thị danh sách các chức năng trong đó có Xem số lượng thành viên |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống hiển thị danh sách và số lượng thành viên 2. Thất bại: Hệ thống không hiển thị danh sách và số lượng thành viên |
| Điểm mở rộng | Không có |

* 1. *Đặc tả Use case: Xoá số lượng thành viên*

|  |  |
| --- | --- |
| Chi tiết | Nội dung |
| Tóm tắt | Admin chọn chức năng Danh sách bài kiểm tra rồi chọn chức năng xoá bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện chính | 1. Admin bấm vào phần Xoá bài kiểm tra 2. Hệ thống hiện danh sách các bài kiểm tra 3. Admin tích chọn các bài kiểm tra muốn xoá 4. Admin bấm nút Xoá bài 5. Hệ thống hiện bảng xác nhận xoá với admin 6. Admin chọn đồng ý 7. Hệ thống thực hiện xoá bài kiểm tra |
| Dòng sự kiện khác | 4a. Admin không bấm chọn bài nào   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Hệ thống yêu cầu admin phải chọn ít nhất 1 bài kiểm tra 3. Admin thực hiện lại và gửi yêu cầu với hệ thống   6a. Admin không chọn nút đồng ý   1. Hệ thống không thực hiện xoá bài kiểm tra 2. Hệ thống hiện lại danh sách bài kiểm tra   7a. Hệ thống thực hiện xoá bài kiểm tra   1. Hệ thống thông báo đã xoá bài |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống trước khi tìm kiếm | Trước đó admin phải đăng nhập thành công vào tài khoản |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện | 1. Thành công: Hệ thống không hiển thị bài kiểm tra đã được xoá 2. Thất bại: Hệ thống hiển thị bài đã được xoá |
| Điểm mở rộng | Không có |